

Nghệ An trong chiến lược đối ngoại của Đại Việt thời Lý - Trần - Lê (thế kỷ XI-XVIII)

Nguyễn Văn Chuyên

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nguyễn Mạnh Dũng

Trần Xuân Thanh

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội

Email liên hệ: nmd.ussh@gmail.com

Tóm tắt: Trong chiến lược đối ngoại của Đại Việt, Nghệ An có vị trí quan trọng trên phương diện an ninh - quân sự, kinh tế, bang giao ở nhiều thời điểm lịch sử, đặc biệt dưới thời Lý (1009-1225), Trần (1225-1400), Lê Sơ (1428-1527), Lê - Trịnh (thế kỷ XVI-XVIII). Vị trí chiến lược của Nghệ An được tạo nên từ nhiều yếu tố tự nhiên - khách quan, chủ quan, gắn bó với sự thịnh suy của mỗi triều đại. Bài viết phân tích vị trí địa chính trị của Nghệ An trong chiến lược đối ngoại của Đại Việt thời Lý - Trần - Lê.

Từ khóa: Nghệ An, Lịch sử Nghệ An, miền Trung, Thời Lý - Trần - Lê.

Nghệ An in the Dai Viet's foreign strategy under the Ly, Tran and Le Dynasties (XI-XVIII Centuries)

Abstract: In the foreign strategy of Dai Viet (the name of Vietnam for the periods from 1054 to 1400 and from 1428 to 1804), Nghe An played an important role in terms of security, military, economic and diplomatic aspects during history, especially under such dynasties as Ly (1009-1225), Tran (1225) -1400), Early Le (1428-1527) and Le-Trinh (16th-18th centuries). The strategic position of Nghe An is made up of various natural elements, objective and subjective factors as well as rise and fall of each dynasty. The article analyzes the geopolitical position of Nghe An in the foreign strategy of Dai Viet during the Ly - Tran - Le period.

Keywords: Nghe An position, Nghe An history, Central Vietnam, Ly - Tran - Le dynasties, Dai Viet

Ngày nhận bài: 24/02/2020

Ngày duyệt đăng: 10/05/2020

1. Đặt vấn đề

Nghệ An là một phần lãnh thổ Đại Việt (Việt Nam hiện nay), thuộc duyên hải miền Trung, có lịch sử lâu đời, gắn với sự phát triển của quốc gia dân tộc. Vị thế của Nghệ An trong chiến lược đối ngoại của Đại Việt phản ánh tương đối rõ nét qua các triều đại Lý - Trần - Lê (thế kỷ XI-XVIII). Điều này bắt nguồn từ tình hình thực tiễn khu vực, chiến lược đối ngoại của Đại Việt... nhưng cơ sở chính yếu và trực tiếp nhất là từ tiềm năng, vị trí, vị thế của Nghệ An.

2. Tiềm năng vị thế của Nghệ An trong lịch sử

Nghệ An (trước đây bao gồm cả Hà Tĩnh) là một phần lãnh thổ Đại Việt, *thuộc duyên hải miền Trung Việt Nam, nằm trên bán đảo Đông Dương, phía Tây biển Đông*, có lịch sử lâu đời,

gắn với quá trình phát triển của quốc gia dân tộc. Trên phương diện tự nhiên, Nghệ An có địa hình cao ở miền núi phía tây, thấp dần ở đồng bằng ven biển phía đông, tạo ra một mặt tiền hướng biển. Nghệ An có nhiều cửa biển (Cửa Cờn, Cửa Quèn, Cửa Thơi, Cửa Vạn, Cửa Xá, Cửa Hội) đóng vai trò cửa ngõ giao lưu giữa các vùng miền trong nước và quốc tế. Trên phương diện địa chính trị, Nghệ An là địa bàn có tính chất biên giới (phía Tây và phía Nam) và biên viễn quốc gia Đại Việt.

Nếu như đặc điểm duyên hải là một thuộc tính định sẵn không thay đổi, tính chất biên giới phía Tây được duy trì xuyên suốt thì tính chất biên giới phía Nam và biên viễn thay đổi qua thời gian. Trước khi vua Chăm-pa (Chiêm Thành) cắt 3 châu Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý (tương ứng với vùng đất Quảng Bình và Bắc Quảng Trị) cho Đại Việt sau thất bại trong cuộc chiến năm 1069, Nghệ An (bao gồm cả Hà Tĩnh) là địa đầu phương nam của quốc gia Đại Việt. Từ đó về sau, vì lãnh thổ Đại Việt được mở rộng về phía Nam, Nghệ An không còn là vùng biên viễn, địa đầu phương nam mà trở thành địa bàn *căn bản* của quốc gia Đại Việt (Phan Huy Chú, 2014). Từ cuối thế kỷ XVI đến cuối XVIII, Nghệ An là cửa ngõ phía Nam Đàng Ngoài (bên kia giới tuyến là Đàng Trong phát triển thành một chính thể độc lập). Cuối thế kỷ XVIII, khi sự chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài được xóa bỏ, vua Quang Trung cho rằng "Nghệ An ở vào chính giữa nước, đường xá từ Nam ra Bắc đều vừa bằng nhau" (Ngô Gia văn phái, 2015).

Ở khía cạnh kinh tế, Nghệ An là một vùng kinh tế quan trọng của Đại Việt trong lịch sử. "Thời Lý - Trần, dòng chảy kinh tế của Nghệ - Tĩnh không chỉ từ bắc xuống mà còn cả từ phía nam lên, từ trên núi xuống và từ biển về" (Nguyễn Văn Kim, 2019). Trong bài thơ đề vịnh Hoan Châu của Bùi Huy Bích có viết: "Nghe nói Hoan Châu vốn là xứ có tiếng/ Là chốn phong lưu thành thị được như đế đô/ Đất đai rộng rãi nay thực là hạt lớn/ Phồn hoa nên không chỗ nào bỏ hoang vu" (Bùi Dương Lịch, 1993). Đốc đồng Nghệ An Trần Danh Lâm (thế kỷ XVIII) ca ngợi vùng đất này: "Thợ mộc lăm tay thông thạo/ Buôn bán nhiều kẻ lành nghề/ Vượt biên giới thông thương sang ngoại quốc, mang đầy màn vẽ, chiêng đồng/ Chở thuyền mành buôn bán tận Trung Đô, hàng hóa rặt cau khô, gỗ ván..." (Đoàn Tam Tĩnh và cộng sự, 1998).

Là địa bàn mang đặc điểm của vùng duyên hải, biên giới và trong một số thời điểm là biên viễn, đồng thời là một vùng kinh tế quan trọng nên Nghệ An vừa là đầu mối, vừa nằm trên nhiều tuyến giao thương từ bắc xuống nam, từ đông sang tây.

Trong hệ thống thương mại quốc tế, Nghệ An nằm trên tuyến giao thương cận duyên đường biển Bắc - Nam, kết nối Đông Bắc Á với Đông Nam Á. Đây là tuyến giao thương mà thương thuyền người Hoa thường ghé đậu ở những địa điểm thuận lợi nằm dọc ven biển Đại Việt trước khi đến các quốc gia xa hơn ở phía Nam. Ngược lại, các đoàn triều cống từ Chăm-pa, Chân Lạp cũng như thương nhân tự do từ phía Nam tới kinh đô Thăng Long (Đại Việt) hay xa hơn về phía Bắc tới Vân Đồn, Nam Trung Quốc tất phải đi qua duyên hải Nghệ An. Thế kỷ XVI-XVII, các tư liệu phương Tây khi ghi chép về tuyến hải trình (*itinéraires*) đều tập trung vào phần miền Trung và Nam Việt Nam. Đó là một hệ thống cù lao từ vùng Thanh Nghệ trở vào xuống tận đến Poulo Condore (Côn Đảo) (Nguyễn Mạnh Dũng, 2009). Con đường ven biển này tiếp tục được thương nhân quốc tế sử dụng ở những thế kỷ tiếp theo.

Trên tuyến giao thương đại dương, thuyền buôn từ phương Bắc thường đến phương Nam theo một trong hai tuyến chính: Thứ nhất, là đi qua phía bắc đảo Hải Nam rồi vào vịnh Bắc Bộ (địa điểm thuận lợi cho việc buôn bán là thương cảng Vân Đồn); thứ hai, là tiến xuống phía nam đảo Hải Nam để đến thẳng các cảng vùng Nghệ Tĩnh (Momoki Shiro, 2004). So với Bắc Bộ,

Nghệ An thuộc Bắc Trung Bộ có vị trí giao thương quốc tế thuận lợi hơn. Sự án ngữ của đảo Hải Nam ở phía đông bắc gây khó khăn cho tàu thuyền Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản) tiếp cận đồng bằng sông Hồng nhưng lại làm cho miền Trung Việt Nam, đặc biệt là tiểu vùng Nghệ - Tĩnh ngày nay (Nghệ An xưa) có lợi thế trong tuyến giao thương liên khu vực (Tana, L. 2006).

Không chỉ nằm trên tuyến giao thương đường biển, Nghệ An còn nằm *trên tuyến giao thương đường bộ Đông - Tây*. Theo Momoki Shiro (2004), tuyến buôn bán trong thế kỷ VIII của nhà Đường băng qua dãy Trường Sơn đến Lục Chân Lạp (vùng Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan ngày nay) đều được bắt đầu từ Nghệ - Tĩnh. Hall (2010) cho rằng vào cuối thế kỷ X, từ Nghệ An thương nhân Đại Việt qua ải Hà Trại ở dãy Khai Trương (Hương Sơn-Hà Tĩnh) theo đường sông Mekong xuống Bần Thắt để đi vào kinh đô Angkor. Sau kháng chiến chống Minh (1428), Đại Việt trở thành một quốc gia lớn mạnh trên bán đảo Đông Dương. Nhà Lê Sơ thực hiện chiến lược mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài trong đó có các quốc láng giềng ở phía Tây Nam như Ai Lao, Chămpa, Chân Lạp, thậm chí cả Xiêm La. Con đường giao thương phía Tây xứ Nghệ được duy trì qua nhiều thế kỷ.

Cuối thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn cho biết: “phía tây trấn Nghệ An thông sang các nước Bôn Man, Lão Qua, Cao Miên. Dân các nước ấy đem trâu, bò sang bán cho ta” (Lê Quý Đôn, 2017). Tư liệu năm 1792 cho biết “miền Thượng đạo của đồn (tức vùng Lào) thường đưa lợn về bán, đi qua đồn Quy Hợp (Hương Khê - Hà Tĩnh) (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2000). *Nghệ An ký* của Bùi Dương Lịch viết đầu thế kỷ XIX cho biết: “Phía bắc núi Khai Trương là nơi bắt nguồn của sông Phố, phía tây sông có một con đường thông tới phủ Trà Lân, phủ Trấn Ninh và các mường của Ai Lao. Nước Ai Lao sang cống nước ta vẫn đi theo đường này” (Bùi Dương Lịch, 1993). Trong *Đại Nam nhất thống chí*, các sử gia triều Nguyễn khẳng định, “phủ Trấn Ninh xưa là đất Bôn Man. Đầu đời Lê, Cầm Công chiếm cứ đất ấy. Tới nay hơn 300 năm vẫn giữ triều cống, không hề gián đoạn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2012). Nhìn từ phía tây, theo lộ trình tây - đông, nhà sử học Lào Houmphanh Rattanaong cho biết mặc dù phải vượt qua dãy núi Trường Sơn, trong lịch sử đã có những tuyến thương mại kết nối Lào - Việt, trên địa bàn Nghệ An có một số tuyến như sau: tuyến đường Xiêng Khoảng - Mường Sen sang Nghệ An; tuyến đường Khăm Kọt - Khăm Muộn - Na Pê qua đèo Bắc tới Vinh; tuyến đường Nậm Thơi - Nậm Nọi qua đèo Phu - Thim tới đồn Quy Hợp (Hương Khê, Hà Tĩnh)... Trong tất cả các tuyến đường kể trên tuyến đường Na Kai - Nậm Thơn - Nậm Nọi tới cửa khẩu Quy Hợp của Việt Nam để đi tới thành phố Vinh hay thành phố Huế có vai trò đặc biệt quan trọng (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2000).

Như vậy, tiềm năng và vị thế địa chiến lược của Nghệ An là một cơ sở để chính quyền Đại Việt thực hiện chiến lược đối ngoại của mình thông qua việc phát huy vị thế, vai trò của vùng đất này trong các mối quan hệ quốc tế.

3. Nghệ An trong chiến lược đối ngoại của Đại Việt

Chiến lược đối ngoại là một bộ phận của đường lối lãnh đạo chung, ở mỗi giai đoạn lịch sử có mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể và góp phần phục vụ đường lối đối nội. Chiến lược đối ngoại của một quốc gia được xem là “cánh tay nối dài” của chiến lược, chính sách đối nội, thường được hoạch định bởi chính quyền trung ương dựa trên tình hình thực tế, thực lực và mục tiêu của quốc gia. Nội dung đối ngoại phản ánh trên nhiều phương diện như kinh tế, chính trị, an ninh, quân sự, văn hóa... và được thực thi bằng nhiều con đường (ngoại giao, hợp tác, cạnh tranh, chiến tranh...) khác nhau.

Chiến lược đối ngoại của Đại Việt thời trung đại thể hiện chủ yếu trong mối quan hệ với các quốc gia láng giềng. Đối với phương Bắc (Trung Hoa) là chủ động xây dựng mối quan hệ bang giao hòa hiếu, thực hiện chính sách mềm dẻo, khéo léo, tránh để xảy ra xung đột, chiến tranh, nhưng kiên quyết giữ vững độc lập và chủ quyền. Đối với các quốc gia phía tây và nam như Ai Lao, Chân Lạp, Chăm Pa... là khẳng định vị thế “nước lớn” trong khu vực. Mục tiêu bao trùm chiến lược đối ngoại của Đại Việt là bảo vệ và phát triển đất nước, khẳng định vị thế trong các mối quan hệ khu vực. Trong chiến lược đối ngoại của Đại Việt, mỗi vùng đất lại có vị trí và vai trò riêng. Góp phần hiện thực hoá đường lối và phương cách đó không thể không kể đến vị trí, vai trò của Nghệ An.

3.1. Nghệ An thời Lý (1009-1225)

Thời Lý với việc định đô ở Thăng Long đã đánh dấu bước chuyển từ thế phòng thủ sang thế phát triển của quốc gia, tạo tiền đề cho việc mở rộng quan hệ đối ngoại. Sau khi lên ngôi, cùng với mối quan hệ bang giao truyền thống với Trung Quốc ở phía bắc¹, nhà Lý thiết lập mối quan hệ với nhiều quốc gia phía tây nam, như Ai Lao, Ngưu Hống và cả vùng hải đảo là Xiêm La, Tam Phật Tề, Lộ Lạc, Trảo Oa... Hệ quả là cùng với đối tác (đồng thời là đối cực) ở phương Bắc, nhà Lý chủ trương duy trì mối quan hệ đối ngoại với đồng thời với 8 quốc gia ở Đông Nam Á ở phương Nam (Nguyễn Văn Kim, 2014). Mặt khác, để xây dựng và bảo vệ đất nước, nhà Lý rất coi trọng việc quản lý chủ quyền biển đảo, quan tâm xây dựng lực lượng hải quân. Năm 1161, vua sai Tô Hiến thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó, đem 2 vạn quân đi tuần các nơi ven biển tây nam, để giữ yên miền biên giới. Năm 1171, vua Lý Anh Tông đích thân đi tuần tra vùng lãnh hải “xem các hình thế núi sông, muốn biết dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào”. Sau đó, vào “mùa xuân, tháng 2 (1172), vua lại đi tuần ra cù lao ngoài biển ở địa giới các phiên bang Nam Bắc, vẽ bản đồ và ghi chép phong vật rồi về” (Ngô Sỹ Liên và sử thần triều Lê, 2012).

Thời Lý, Nghệ An là vùng biên viễn, đóng vai trò cửa ngõ đối ngoại của Đại Việt, vì thế được chính quyền Thăng Long chú ý. Năm 1037, triều đình “xuống chiếu cho châu Nghệ An dựng các kho ở các châu Tư Thành, Lợi Nhân, Vĩnh Phong, 50 sở” (Ngô Sỹ Liên và sử thần triều Lê, 2012). Khảo cứu *Việt Sử lược*, *An Nam Chí Lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*... có thể thấy không có địa phương nào mà chính quyền trung ương lại cho dựng nhiều kho chứa hàng hoá và thuế đến như vậy. Điều đáng chú ý là, phải đến năm sau, năm 1038 nhà vua mới cho dựng Kho ngự ở kinh đô Thăng Long (Nguyễn Văn Kim, 2019). *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: “Dưới thời Lý, thuyền buôn đến các cửa biển Tha, Viên ở châu Diên”²³. Như vậy, các cửa biển Nghệ An đã đóng vai trò là cửa ngõ đối ngoại chính của Đại Việt trước khi thương cảng Vân Đồn được khai mở (1149) và lớn mạnh vào thời Trần (Ngô Sỹ Liên và sử thần triều Lê, 2012).

Bên cạnh đó, *chính sử* có chép vào năm 1128 sứ thần Chân Lạp đến Nghệ An dâng quốc thư: “Châu Nghệ An đệ tâu 1 phong quốc thư của nước Chân Lạp, xin sai người sang nước ấy, vua không trả lời” (Ngô Sỹ Liên và sử thần triều Lê, 2012). Sự kiện này cho thấy quan hệ Đại Việt - Chân Lạp trong một số trường hợp đã diễn ra ngay tại xứ Nghệ. Nhờ vậy, “trong thời kỳ Đại Việt, đây vốn là một khu vực buôn bán giàu có, nơi người Chăm, người Hoa, người Khmer thường hội tụ về” (Shiro, M., 2004). Từ phía tây, hàng hóa theo đường bộ, sau khi vượt qua dãy núi Khai Trướng (còn gọi là Giăng Màn), theo các dòng sông Lam, sông Ngàn Sâu đổ về Cửa Hội (cửa sông Lam), từ đây kết nối với các tuyến giao thương trên biển, ngược lên phía bắc đến Thăng Long, Vân Đồn và các cảng thị Nam Trung Hoa hoặc xuôi xuống phương nam kết nối với Đông Nam Á.

Mặt khác, Nghệ An thời Lý là vùng biên viễn, xung yếu, thường bị tấn công, cướp bóc bởi Chăm-pa và Chân Lạp. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại như sau: “Mậu Thân (1128), hơn 2 vạn người Chân Lạp vào cướp bến Ba Đầu ở châu Nghệ An. Xuống chiếu cho thái úy Lý Công Bình đem các quan chức đô cùng người Nghệ An đi đánh”. Mùa thu năm 1128, “Người Chân Lạp vào cướp hương Đỗ Gia ở châu Nghệ An, có đến hơn 700 chiếc thuyền. Xuống chiếu sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở Thanh Hóa và Dương Ổ ở châu ấy đem quân đánh, phá được”. Mùa thu năm 1132, “Chân Lạp và Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An, xuống chiếu cho thái úy Dương Anh Nhĩ đem người phủ Thanh Hóa và châu Nghệ An đi đánh quân Chân Lạp và Chiêm Thành, phá tan”. “Mùa xuân tháng giêng năm 1137, tướng Chân Lạp là Phá Tô Lăng cướp châu Nghệ An, xuống chiếu cho Thái úy Lý Công Bình đem quân đi đánh”. *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết khái quát như sau: “Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy nhược, thường đem thuyền nhẹ đến cướp, bắt cóc dân ven biển” (Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê, 2012). Các triều đại Lý và Trần sau này cử nhiều quan lại quý tộc cao cấp đến cai trị, thể hiện mối quan tâm sâu sắc đến vùng đất này như Minh Uy hầu Lý Nhật Quang, Thái sư Lý Đạo Thành, Giám nghị đại phu Mậu Du Đô² v.v..

3.2. Nghệ An thời Trần (1226-1400)

Dưới thời Trần, vị trí, vai trò đối ngoại của Nghệ An được thể hiện ở hai nội dung cơ bản. Đó là hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên và phát triển kinh tế đối ngoại của Đại Việt.

Trong cuộc xâm lược lần thứ hai (năm 1285), trước sức tiến quân ào ạt của quân Nguyên, Trần Quốc Tuấn cho lui quân về Vạn Kiếp. Sau đó, Hưng Đạo vương vâng mệnh vua chọn những người dũng cảm làm tiên phong, vượt biển vào Nam. Trong bối cảnh như vậy, vua Trần Nhân Tông đã làm bài thơ *Quân tu ký* (Người nên biết) gồm hai câu: “*Cối Kê cựu sự quân tu ký/ Hoan, Ái do tồn thập vạn binh*” (*Cối Kê việc cũ người nên nhớ/ Hoan Ái còn kia mười vạn quân*) có ý so sánh tầm quan trọng của vùng này đối với Đại Việt với Cối Kê - nơi Việt Vương Câu Tiễn (thời Xuân Thu Chiến quốc) dựa vào đó để sau này đánh bại Ngô vương Phù Sai. *Khi viết về xứ Thanh*, tác giả Trần Quốc Vượng nhận định rằng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên, khi phần lớn đồng bằng Bắc Bộ bị chiếm, thì triều đình nhà Trần lại dựa vào miền Thanh - Nghệ - Tĩnh để cuối cùng lấy lại nền độc lập quốc gia (Trần Quốc Vượng, 1998).

Đối với Chăm-pa, vào thế kỷ XIV, quan hệ Đại Việt - Chăm-pa diễn biến phức tạp. Trong 30 năm (gần 1361-1390) ít nhất 15 lần đánh lớn, có thời gian 8 năm liền (1375-1383) năm nào cũng ra đánh, trong đó có hai lần tấn công đến kinh đô Thăng Long, cướp bóc và đốt phá (Lương Ninh, 2006). “Lúc bấy giờ, nhà Trần cho xây đắp lũy khắp các cửa sông trên đất An - Tĩnh. Có rất nhiều công trình phòng thủ thời kỳ này, đó là những quân, những bảo, những đồn, những tấn, theo thứ tự quan trọng giảm dần, từ đồn to kiên cố cho đến lũy nhỏ, chỉ dăm ba người bảo vệ. Tuy nhiên, cũng cần phải nói rõ là “quân” thường là để chỉ một đồn trại ở biên giới, còn “tấn” là một đồn bảo vệ một bến, cửa vào của một con sông” (Breton, H., 2014). Như vậy, xứ Nghệ là tiền tuyến phía nam trong chiến lược bảo vệ kinh đô Thăng Long nói riêng và Đại Việt nói chung.

Tiếp nối các mối giao thương, năm 1231, vua Trần Thái Tông sai đào sông Trầm, sông Hào từ phủ Thanh Hóa đến địa giới phía nam Diễn Châu. Vào năm 1355, vua Trần Dụ Tông huy động nhân dân đào sông ở Nghệ An và Thanh Hóa. Năm 1357, nhà vua lại xuống chiếu cho các lộ Thanh Hóa và Nghệ An đào lại đường kênh cũ. Sang đến thời Trần Duệ Tông thì hệ thống sông đào được mở rộng thêm. Năm 1374, nhà vua huy động nhân dân ở vùng Thanh

Hóa và Nghệ An đào các con sông đến tận cửa biển Hà Hoa (Nam Hà Tĩnh) (Trần Phú, 1972). Tuyến giao thương nội thủy có cấu trúc theo chiều dọc nhưng có mối liên kết ngang với các cảng biển vùng cửa sông và các dòng sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam (Nguyễn Văn Kim, 2019), tạo thành một mạng lưới giao thông liên hoàn, linh hoạt, khắc phục những bất cập khi đường biển gặp bất lợi (mưa bão, ngược gió), từ đó tạo thuận lợi cho sự giao lưu giữa các địa phương trong nước, hỗ trợ mối quan hệ đối ngoại của Đại Việt.

Kế tục và phát triển chính sách đối ngoại của nhà Lý, vương triều Trần tiếp tục thực thi chính sách đối ngoại rộng mở, hướng biển mạnh mẽ. Nhờ đó mà quan hệ đối ngoại của Đại Việt càng phát triển. Sử giả triều Nguyên là Trần Cương Trung khi sang Đại Việt cho biết “Tĩnh Hoa chu tác thị” (Phủ Tĩnh Hoa dùng thuyền để họp chợ). Chính tác giả chú giải rằng Phủ Tĩnh Hoa, tức Châu Hoan dời Đường cách thành Giao Châu hơn 200 dặm, thuyền bè các nước ngoài đến tụ họp ở đây, mở chợ ngay trên thuyền, cảnh buôn bán thật là thịnh vượng” (Trần Phú, 1972). Đây là một trong số ít địa danh được Trần Phú nhắc tới, do vậy đó phải là một địa điểm buôn bán nổi bật thời nhà Trần.

Bên cạnh đó, Đại Nam nhất thống chí cho biết vào năm Thiệu Bảo (1279-1294) có người nội thị ở triều đình Bắc quốc, theo thuyền buôn của người Hoan Châu, ra đến khúc sông, thuộc xã Xích Đằng (Hưng Yên) và sau đó người nội thị này đi thuyền từ đây về Cửa Cờn (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2012). Ngoài ra, tác giả Trịnh Cao Tường khi nghiên cứu khảo cổ ở Nghệ An vào năm 2002 cho biết, trên vùng đất phía tây sông Mai đào chỗ nào cũng thấy hiện vật, gốm sứ ở Kê Trào (một địa danh thuộc xã Quỳnh Xuân, huyện Quỳnh Lưu, nay thuộc phường Quỳnh Xuân, thị xã Hoàng Mai), gần Cửa Cờn có niên đại từ thời Bắc thuộc đến thế kỷ XVII, trong đó chiếm đại đa số là gốm thời Trần thế kỷ XIII-XIV (Viện Khảo cổ học, 2002).

Đại Việt cũng xuất khẩu nhiều loại hàng hoá ra bên ngoài, trong đó có gốm sứ. Cũng dưới triều Trần, khắp cả vùng ven biển và hải đảo đã xây dựng một hệ thống chùa tháp nhiều hơn bất cứ triều đại nào trong lịch sử Việt Nam. Trên địa bàn Nghệ An có Đền Cờn ở khu vực Cửa Cờn (huyện Quỳnh Lưu) và chùa Song Ngư ở đảo Song Ngư (thị xã Cửa Lò) được xây dựng vào thời Trần. Theo tác giả Trịnh Cao Tường, chùa tháp thời Trần không chỉ đóng vai trò hoàng dương Phật pháp, truyền bá văn hoá mà còn đóng vai trò như những vọng gác tiền tiêu cho các vùng cửa ngõ hướng biển của đất nước (Viện Khảo cổ học, 2002).

3.3. Nghệ An thời Lê Sơ (1428-1527)

Trước khi nhà Lê Sơ thành lập, trong cuộc kháng chiến chống Minh, Nghệ An có vị trí rất quan trọng để nghĩa quân Lam Sơn chuyển từ giai đoạn cầm cự sang thế tiến công, tạo bàn đạp để giải phóng cả nước. Năm 1424, Nguyễn Chính (tướng của Lê Lợi) nhận định: “Nghệ An là nơi hiểm yếu, đất rộng người đông, tôi đã từng qua lại nên rất thông thạo đường đất. Chiếm giữ cho được Nghệ An làm chỗ đứng chân rồi dựa vào nhân lực, tài lực đất ấy mà quay ra đánh Đông Đô thì có thể tính xong việc dẹp yên thiên hạ” (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2007). Bằng cách dùng lối đánh bao vây và mai phục, chỉ trong vài tháng, quân Đại Việt đã giành được những thắng lợi quan trọng, giải phóng các miền Nghệ An, đưa các thành Nghệ An và Diễn Châu vào thế bị cô lập. Nghệ An trở thành căn cứ quan trọng, bàn đạp lợi hại để giải phóng các vùng khác của đất nước, trước hết là Tân Bình - Thuận Hóa. Chiến dịch giải phóng Nghệ An của quân Lam Sơn thành công đã làm thay đổi cục diện chiến tranh Minh - Đại Việt, nghĩa quân Lam Sơn phát triển mạnh lực lượng là tiền đề để tiến hành tổng tấn công ra miền Bắc.

Sau khi đánh đuổi giặc Minh giành thắng lợi, nhà Lê Sơ được thành lập, trong quan hệ đối ngoại, một mặt chính quyền duy trì, phát triển hoạt động của thương cảng Vân Đồn vùng Đông Bắc, mặt khác mở thêm các cửa ngõ đối ngoại mới ở phía nam. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi cho biết *Cần Hải, Hội Thống* là 2 trên tổng số 9 địa điểm thương nhân ngoại quốc được phép buôn bán (Nguyễn Trãi, 1960). Nhận thức rõ tầm quan trọng của vùng đất xứ Nghệ đối với sự phát triển của đất nước, năm 1467, vua Lê Thánh Tông tập trung củng cố, xây dựng các cảng biển phía nam thông qua việc “*mở rộng kênh Sen ở Thuận Hóa và các kênh ở Thanh Hóa, Nghệ An*” (Ngô Sỹ Liên và sử thần triều Lê, 2012), tạo tiền đề cho các cuộc nam chinh sau này. Có lẽ cũng chính vì vậy mà triều Lê Sơ đã bố trí, xây dựng đội hải binh ở khu vực Cửa Lò (cửa sông Cẩm) trên địa bàn Nghệ An.

Theo thần phả đền Vạn Lộc (nay là phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An) và nhiều tài liệu lịch sử địa phương cho biết: Vào khoảng năm 1469, Thái úy, Đô đốc Nguyễn Sư Hối (1444-1506), con trai của công thần Nguyễn Xí được giao chỉ huy lực lượng thủy quân làm nhiệm vụ bảo vệ vùng biển phía Nam Đại Việt, gồm 12 cửa lạch kéo dài từ cửa biển Sầm Sơn (Thanh Hoá) vào đến Cửa Tùng (Quảng Trị). Ông đã chọn vùng cửa Xá cạnh làng Thượng Xá quê hương làm đại bản doanh. Trong cuộc tấn công Chăm-pa cuối năm 1470 đầu năm 1471, đoàn quân Đại Việt do vua Lê Thánh Tông đứng đầu đã đi qua, ghé đậu tại một loạt các cửa biển xứ Nghệ như cảng Xước (Cửa Cờn), cửa Thai Viên (cửa Thơi), cảng Kinh Ma (?), cảng Thiết Sơn, cửa Cẩm, cảng Hoa Cái (?), cảng Trường Lang... (Lê Thánh Tông, 1994).

Sau khi giành thắng lợi trong cuộc tấn công Chăm-pa năm 1471, cương giới Đại Việt kéo dài về phía nam (tới đèo Cù Mông, ranh giới Bình Định và Phú Yên), Nghệ An không còn là vùng biên giới địa đầu phương nam nhưng vẫn là vùng đất đáng chú ý. Trong thế lớn mạnh của dân tộc, vốn xuất phát từ miền rừng núi phía tây Thanh Nghệ, chính quyền Lê Sơ có mối liên hệ và am hiểu văn hóa về các tộc người thiểu số phía tây. Trong bối cảnh đó, con đường giao thương phía tây xứ Nghệ được duy trì, tạo thuận lợi cho quá trình “tây tiến”, mở rộng ảnh hưởng vào sâu nội địa (Tạ Chí Đại Trường, 2017).

3.4. Nghệ An thời Lê - Trịnh (thế kỷ XVI-XVIII)

Thế kỷ XVI, Nghệ An cùng với Thanh Hóa là địa bàn đứng chân của nhà Lê - Trịnh. Sau khi nhà triều Lê Sơ sụp đổ, nhà Mạc lên thay (1527), nhưng các cựu thần nhà Lê (đứng đầu là Nguyễn Kim) đã chạy sang Ai Lao gây dựng lực lượng ở đây với mục đích trung hưng lại nhà Lê (Lê Trung Hưng). Từ năm 1539 đến 1543, quân nhà Lê từ Ai Lao đã mở các cuộc tấn công về Nghệ An, Thanh Hóa, biến nơi đây thành vùng đất đứng chân. Trong bối cảnh chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài, vùng đất Nghệ An là một bộ phận đóng vai trò cửa ngõ phía nam của chính quyền Đàng Ngoài.

Từ cuối thế kỷ XVI, Mạc phủ Nhật Bản đẩy mạnh quan hệ thương mại với các quốc gia phương nam, hình thành những tuyến giao thương kết nối quốc đảo này với Đông Nam Á, mở ra thời kỳ Châu ấn thuyền kéo dài hơn 4 thập kỷ (1592-1635). Trong bối cảnh đó, thương nhân Nhật Bản đã đến vùng biển Nghệ An buôn bán, mở phố xá tại Phục Lễ - Triều Khẩu (nay là xã Hưng Khánh, Hưng Nguyên).

Tờ khai của Trịnh Thuận Đại sứ ty Nhật Bản gửi quan chấp sự Đại Việt có đoạn viết: “Từ năm Quý Mão (1603) đến năm Tân Hợi (1611) tàu thuyền qua lại buôn bán hàng năm không dứt”. Ngày 5-5-1609, chiếc tàu do Giác Tàng làm trưởng tàu, “chở đầy hàng hóa” xuất phát từ Nhật Bản sau 6 ngày trên biển đã cập bến xã Phục Lễ, huyện Hưng Nguyên buôn bán (Bùi Văn

Chất, 2013). Trong thời gian buôn bán ở Nghệ An, có lần tàu Nhật xảy ra sự cố chìm tàu. Đó là chiếc tàu (Giác Tàng làm trưởng tàu) cập bến Phục Lễ ngày 11-5-1609 và trên đường trở về nước ngày 16-6. Khi đến ngoài cửa biển, bất ngờ gặp sóng gió, tàu bị chìm, 13 người không may thiệt mạng, còn lại tổng cộng hơn trăm người may mắn thoát nạn. Trong số đó 49 người được Phò mã Quảng Phú Hầu mang về nhà nuôi, 39 người được Đại Đô Đường hữu phủ Thư quận công nuôi, 26 người được Chuồng giám Lý Văn Hầu nuôi. Chính quyền trung ương Lê - Trịnh rất chú trọng tới mối quan hệ này, muốn thúc đẩy mối quan hệ thương mại giữa hai (Nguyễn Văn Kim và cộng sự, 2007)

Trong quan hệ thương mại giữa triều đình Lê - Trịnh với thương nhân phương Tây thì Nghệ An cũng đóng một vai trò khá tích cực. Thế kỷ XVI-XVII, người phương Tây cũng có mặt ở bến Rum (Triều Khẩu, Nghệ An). Giáo sĩ Alexandre de Rhodes cho biết, chiếc thương thuyền người Bồ Đào Nha chở ông đi đến bến Rum từ Bồ Chính (Quảng Bình): “Chúng tôi kéo thẳng đến bến chính của tỉnh (Nghệ An) gọi là Rum, nơi ở của quan tỉnh niềm nở tiếp đón chúng tôi” (Alexandre de Rhodes, 1994). Năm 1637, tàu Grol (Hà Lan) sau khi đi qua, tạm dừng thuyền ở khu vực Cửa Hội đã tìm cách ngược dòng sông vào nội địa, nơi ở của quan tỉnh (Nguyễn Thừa Hỷ chủ trì, 2010). Mặc dù chiếc tàu lớn của người Hà Lan không thể ngược sông (vì độ sâu của dòng sông không quá từ 9 đến 10 bộ, trong khi độ chìm của tàu là 13 bộ nước), nhưng đã dùng thuyền nhỏ để vận chuyển hàng hóa và được chính quyền sở tại giúp đỡ. Bất chấp bao khó khăn, trở ngại, hàng hóa của người Hà Lan được vận chuyển vào Triều Khẩu. Sự kiện này không chỉ cho thấy Triều Khẩu là một thị trường tiêu thụ có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với thương nhân ngoại quốc mà còn cho thấy mối quan hệ giữ chính quyền sở tại với thương nhân phương Tây đã diễn ra tích cực.

Trong mối quan hệ với Ai Lao ở phía tây thì đồn Quy Hợp đóng vai trò quan trọng. Quy Hợp là một đồn binh hay một cửa ải biên thủy đồng thời là cửa ngõ giao thương giữa Đại Việt và Ai Lao, được duy trì qua nhiều thế kỷ. Nơi đây trở thành cửa ngõ đối ngoại chính giữa Đại Việt và Ai Lao, Lạc Hoàn. Tư liệu cho biết thông tin về một số lần Lạc Hoàn gửi cống phẩm gồm có voi và phương vật thì các quan trấn Nghệ An được ủy quyền tiếp nhận và đệ trình về kinh đô. Trong một lệnh truyền niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 20 (1759) có đoạn viết: “Kỳ này có việc Lạc Hoàn về cống voi và phương vật, Phủ Liêu đã cho đệ đến giới cận Nghệ An. Các quan trấn Nghệ An được ủy quyền tiếp nhận và đệ về kinh”⁵³.

4. Kết luận

Trong chiến lược đối ngoại của Đại Việt, Nghệ An (bao gồm cả Hà Tĩnh) có vị trí, vai trò quan trọng trên phương diện an ninh - quân sự, kinh tế, bang giao ở nhiều thời điểm lịch sử: Thời Lý (1009-1225) - Trần (1226-1400), Nghệ An là tuyến đầu ở phương nam trong chiến lược an ninh, phát triển kinh tế đất nước; thời Lê Sơ (1428-1527) là địa bàn để Đại Việt khẳng định vị thế với Chăm-pa ở phía nam và Ai Lao ở phía tây; thời Lê - Trịnh (thế kỷ XVI-XVIII) là cửa ngõ phía nam Đàng Ngoài, đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập quan hệ đối ngoại giữa Đại Việt với Nhật Bản thương nhân phương Tây và Ai Lao.

Vị trí chiến lược của Nghệ An trong chiến lược đối ngoại của Đại Việt được kiến tạo từ nhiều yếu tố tự nhiên - khách quan và chủ quan. Yếu tố tự nhiên - khách quan được thể hiện đó là một phần của duyên hải miền Trung có tính chất vùng biên giới và biên viễn, địa bàn gặp gỡ, chuyển tiếp, đầu mối của nhiều tuyến giao thương khu vực. Yếu tố chủ quan thể hiện ở khía cạnh các vương triều Đại Việt đã ý thức về vị trí, vai trò của vùng đất này trong chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Vị trí chiến lược của Nghệ An được thể hiện trong mối quan hệ với các quốc gia lân bang trên phương diện chính là an ninh - quân sự và kinh tế là chủ yếu. Trong lĩnh vực an ninh - quân sự (trong nhiều trường hợp là kết hợp với các địa phương khác, trước hết là Thanh Hóa), Nghệ An đóng vai trò là hậu phương “kháng Bắc, bình Nam”. Đối với phương Bắc, Nghệ An đóng vai trò là hậu phương phía nam. Trong quan hệ với Chăm-pa, Nghệ An vừa đóng vai trò hậu phương vừa đóng vai trò tiền tuyến trong các cuộc nam chinh thời Lý, đặc biệt thời Lê Sơ. Trong mối quan hệ với Ai Lao, Chân Lạp ở phía tây, Nghệ An là một cửa ngõ để duy trì mối quan hệ bang giao, thương mại.

Chú thích

¹ Sách *Tục trị thông giám trường biên* của Lý Đào, thời Nam Tống (1127-1279) viết: “Tháng 6 năm Giáp Tý, niên hiệu Đại Trung Tường Phù thứ năm Tống Chân Tông (năm 1012), Chuyển vận sứ lộ Quảng Tây tâu rằng: Lý Công Uẩn ở Giao Châu xin được đưa người và thuyền đến thẳng Ung Châu xâm lấn, theo lệnh chỉ trước cho phép lập chợ giao dịch tại Khâm Châu và trấn Như Hồng. Vả lại vùng ven biển có cửa ải hiểm yếu, nay nếu cho đi sâu vào nội địa, e rằng có điều bất tiện. Lệnh cho Bản ty phải cẩn thận tuân theo lệnh cũ” (Dẫn theo Nguyễn Hữu Tâm: “Bác dịch trường - quan hệ buôn bán biên giới Lý - Tống thế kỷ XI-XIII, trong *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*. Nxb Thế giới. Hà Nội. 2007. Tr.139).

² Sau đó sang đến thời Trần có Thái sư Trần Thủ Độ, Trần Quang Khải, Trần Quốc Khang v.v..

Tài liệu tham khảo

- Bùi Dương Lịch. (1993). *Nghệ An ký*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Bùi Văn Chất. (2013). Giao thương Việt- Nhật qua tư liệu Nghệ An đầu thế kỷ XVIII. *Tạp chí Xưa Nay*, số 431.
- Đào Tam Tĩnh, Nguyễn Doãn Hương. (1998). Làng đóng thuyền ở Trung Kiên (Nghị Lộc), trong cuốn *Nghề, làng nghề thủ công truyền thống Nghệ An*. Nxb Nghệ An. Nghệ An.
- Hall, K. R. (2010). *A history of early Southeast Asia: Maritime trade and societal development, 100–1500*. Rowman & Littlefield Publishers.
- Hippolyte Breton. (2014). *An Tĩnh cổ lục*. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- Lê Quý Đôn. (2017). *Vân đài loại ngữ*. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- Lương Ninh. (2006). *Vương quốc Champa*. Nxb Đại học giáo dục, Hà Nội.
- Ngô Gia văn phái. (2015). *Hoàng Lê nhất thống chí*. Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê. (2012). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1 & 2. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Mạnh Dũng. (2009). Vùng Đông bắc Việt Nam trong tuyến hải trình Đông Nam Á thế kỷ VIII-XVIII. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, 9, 114.
- Nguyễn Thừa Hỷ chủ trì. (2010). *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tư liệu phương Tây*. Nxb Hà Nội.
- Nguyễn Trãi. (1960). *Dư địa chí*. Viện Sử học, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Kim và cộng sự. (2007). *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*. Nxb Thế giới, Hà Nội.

- Nguyễn Văn Kim. (2014). *Vân Đồn thương cảng quốc tế của Việt Nam*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn Kim. (2019). *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phan Huy Chú. (2014). *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1. Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2012). *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1 & 2. Nxb Lao động, Hà Nội.
- Shiro, M. (2004). “*Đại Việt và thương mại Biển Đông từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*”. Trong Đông Á-Đông Nam Á những vấn đề lịch sử và hiện tại. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- Nguyễn Quang Ngọc chủ biên. (2007). *Tiến trình lịch sử Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Tạ Chí Đại Trường. (2017). *Chuyện phiếm sử học*. Nxb Tri thức, Hà Nội
- Tana, L. (2006). A view from the sea: Perspectives on the northern and central Vietnamese coast. *Journal of Southeast Asian Studies*, 37(1), 83-102.
- Trần Phú. (1972). An Nam tức sự (bản dịch của Trần Nghĩa). *Tạp chí Văn học*, 1.
- Trần Quốc Vượng. (1998). *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*. Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- Viện Khảo cổ học. (2002). *Nghiên cứu khảo cổ học một số thương cảng cổ ở vùng biển miền Bắc Việt Nam thế kỷ IX-XVII*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
- Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. (2000). *Quan hệ lịch sử Việt – Lào qua Tư liệu Quy Hợp*. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội.
- Viện Văn học. (1977). *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.